TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/DS - ST
Ngày: 24/5/2019
V/v Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thu Dung.

2/ Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST - DS, ngày 20 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST - DS, ngày 10/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST - DS, ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C

Địa chỉ: Tòa nhà C5, khu B, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M theo Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ – NHCS, đề ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thu N.

Cùng địa chỉ: Thôn Tú S, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2018; các lời khai và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/6/2013, bà Nguyễn Thị T đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn tại Ngân hàng C - Phòng giao dịch ngân hàng C huyện M, vay theo chương trình hộ nghèo. Ngân hàng C huyện Mộ Đức đã giải ngân cho bà T vay số tiền 30.000.000đ để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất trong hạn 0.65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay là 36 tháng, đã gia hạn thêm 17 tháng và hạn trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2017.

Tính đến nay, bà T còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi số tiền là 7.100.037đ, trong đó: 6.925.037đ nợ gốc và 175.000đ lãi quá hạn còn nợ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Bà T phải trả dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng nhưng bà T không trả mà cố tình kéo dài làm ảnh hưởng đến quá trình thu hồi nợ vay cho Nhà nước.

Do đó, Ngân hàng C huyện M yêu cầu bà T và chị N phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm cả gốc và lãi số tiền là 7.100.037đ và tiền lãi phát phát sinh cho đến khi bà T, chị N thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/6/2013.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ cho bà Thuyền, chị Nương nhưng bà Thuyền và chị Nương vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà T và chị N cùng phải trả cho Ngân hàng C tính đến ngày 24/5/2019 cả gốc lẫn lãi số tiền là 7.100.037đ, trong đó, nợ gốc là 6.925.037đ và 175.000đ lãi quá hạn và tiền lãi phát phát sinh cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T, chị N thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T, chị N không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, chị N.

Bà T, chị N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh nên bà T, chị N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[2] Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 28/6/2013, Ngân hàng C đã giải Ngân cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 30.000.000đ để chăn nuôi bò sinh sản, thời hạn vay là 36 tháng (28/6/2013 - 28/6/2016); phân kỳ trả nợ: Nợ gốc tiền vay được trả vào 3 kỳ, lãi tiền vay trả định kỳ hàng tháng; Lãi suất tiền vay: 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 23/11/217 sau khi đã được Ngân hàng gia hạn 17 tháng.Thỏa thuận của các bên là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T đã trả cho Ngân hàng được 23.074.963đ nợ gốc, trả lãi phát sinh đến 23/7/2018 là 11.355.269đ. Theo bảng kê chi tiết tính lãi vay của Ngân hàng thì bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 7.100.037đ, trong đó: 6.925.037đ nợ gốc, 175.000đ lãi phát sinh tính đến ngày 24/5/2019. Đến nay đã quá hạn trả nợ, bà T vẫn chưa trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng nên ngân hàng yêu cầu bà T và chị N có trách nhiệm cùng trả nợ cho ngân hàng. Xét thấy, khoản vay trên của bà T dùng để phát triển kinh tế hộ gia đình và khi gia hạn thời hạn đối với khoản vay 30.000.000đ vào ngày 23/6/2017 thì bà T và chị N đã thống nhất cử bà T đại diện hộ gia đình đứng tên người vay thực hiện giao dịch với Ngân hàng theo quy định tại Điều 101 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, ngân hàng yêu cầu bà T và chị N cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp, có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận nên buộc bà T và chị N phải trả cho ngân hàng số nợ tính đến ngày 24/5/2019 là 7.100.037đ, trong đó: 6.925.037đ nợ gốc, 175.000đ lãi phát sinh và tiền lãi phát phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/6/2013.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định: "Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận" cụ thể: 7.100.037đ x 5% = 355.000đ theo đó, bà T và chị N cùng phải chịu án phí số tiền 355.000đ. Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 101, 103, 139, 463, 465, 466, 468, 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Thu N cùng phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 6.925.037đ và tiền lãi đến ngày 24/5/2019 là 175.000đ.Tổng cộng bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Thu N cùng phải trả cho Ngân hàng C cả gốc và lãi số tiền là 7.100.037đ *(Bảy triệu một trăm nghìn không trăm ba mươi bảy đồng)* và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất được thoả thuận trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 26/6/2013.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 355.000đ *(ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*. Ngân hàng C không phải chịu tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/5/2019), các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:**

Nguyễn Thị Thu Dung **Lê Thanh Sơn** **Nguyễn Thị Bích Vân**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Minh Trầng Thị Bích Thuỷ Phạm Minh Vương